

## THÔNG BÁO

Về việc hướng dẫn thực hiện chế độ chính sách đối với học sinh.

Học kì II, năm học 2025-2026

Căn cứ Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/09/2020 của Chính phủ về quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐT BXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính Phủ về việc quy định chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục Đào tạo;

Căn cứ Nghị định 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ về quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và các cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ Nghị định 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi;

Căn cứ Quyết định số 4525/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về phê duyệt danh sách thôn, bản, khu phố vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, danh sách xã, phường, đặc khu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã, phường, đặc khu khu vực I, II, III tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 4333/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc công nhận xã đảo tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Nghị quyết 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2025-2026 đến năm học 2030-2031;

Căn cứ công văn số 456/SGDĐT-KHTC ngày 05/02/2026 về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 93/NQ-HĐND.

Trường Mầm non Hải Lăng hướng dẫn thực hiện chế độ chính sách đối với học sinh học kỳ II, năm học 2025-2026 như sau:

### **I. Chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em**

#### **1. Chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP**

Mức hỗ trợ: 160.000đ/trẻ/tháng.

Thời gian hỗ trợ: Theo tháng học thực tế và không quá 9 tháng/năm học và không quá 02 tháng dạy hè.

Quy trình và thủ tục hồ sơ:

3	Đối tượng hưởng chính sách	Thủ tục hồ sơ
1	Trẻ em mẫu giáo có cha hoặc có mẹ hoặc người chăm sóc trẻ hoặc trẻ em thường trú ở thôn đặc biệt khó khăn, xã có ĐKKTXH đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ	- Đơn đề nghị hỗ trợ. - Phụ huynh khai thác thông tin về nơi cư trú của trẻ trên phần mềm ứng dụng VNEID và cung cấp cho nhà trường qua giáo viên chủ nhiệm lớp xác nhận.
2	Trẻ em mẫu giáo không có nguồn nuôi dưỡng quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với bảo trợ xã hội	- Đơn đề nghị hỗ trợ. - Bản sao quyết định trợ cấp xã hội của UBND huyện. - Giấy chứng nhận nuôi con nuôi. - Bản sao xác nhận của UBND cấp xã, Cơ sở bảo trợ xã hội về tình trạng trẻ mồ côi, bị bỏ rơi.
3	Trẻ em mẫu giáo thuộc hộ nghèo, Cận nghèo theo quy định của thủ tướng chính phủ	- Đơn đề nghị hỗ trợ. - Bản sao giấy chứng nhận gia đình thuộc hộ nghèo, cận nghèo.
4	Trẻ em là con liệt sĩ, con Anh hùng LLVTND, Con thương binh, con người hưởng chính sách như thương binh, con bệnh binh, con một số đối tượng chính sách khác theo quy định tại pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (nếu có)	- Đơn đề nghị hỗ trợ. - Bản sao giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng có công và giấy khai sinh của trẻ.
5	Trẻ em khuyết tật học hòa nhập	- Đơn đề nghị hỗ trợ. - Giấy chứng nhận khuyết tật, hoặc quyết định về trợ cấp xã hội của Chủ tịch UBND cấp xã.

**2. Chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em theo nghị định 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025.**

- Mức hỗ trợ: 360.000đ/trẻ/tháng.

- Thời gian hỗ trợ: Theo tháng không quá 9 tháng/năm học.

Quy trình và thủ tục hồ sơ

TT	Đối tượng hưởng chính sách	Thủ tục hồ sơ
1	Trẻ em nhà trẻ từ 03 tháng tuổi đến 3 tuổi thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn đang học tại cơ sở giáo dục mầm non công lập thuộc xã khu vực III, II, I, xã có thôn ĐBKK vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.	- Đơn đề nghị. - Giấy xác nhận hộ nghèo do UBND cấp xã cấp. - Bản sao xác nhận về tình trạng mồ côi, bị bỏ rơi, giấy chứng nhận con nuôi.
2	Trẻ em nhà trẻ từ 03 tháng tuổi đến 3 tuổi người dân tộc thiểu số thường trú tại xã khu vực II, I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đang học tại cơ sở	- Bản sao giấy chứng nhận của cơ quan quản lý

<p>giáo dục mầm non công lập thuộc xã khu vực III, II, I, xã có thôn ĐBKK vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ em thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều theo quy định của chính phủ.</li> <li>- Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.</li> <li>- Trẻ em là con liệt sĩ, con anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, con thương binh, con người hưởng chính sách như thương binh, con bệnh binh, con đối tượng chính sách khác theo quy định tại pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.</li> <li>- Trẻ em khuyết tật học hòa nhập</li> </ul>	<p>đối với con liệt sĩ, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, con thương binh, con người hưởng chính sách khác theo quy định tạo pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy xác nhận khuyết tật của UBND xã hoặc quyết định về việc trợ cấp xã hội của UBND.</li> </ul>
---	--

**3. Chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em theo nghị định 277/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025.**

- Mức hỗ trợ: 360.000đ/trẻ/tháng.
  - Thời gian hỗ trợ: Theo tháng không quá 9 tháng/năm học.
- Quy trình và thủ tục hồ sơ

TT	Đối tượng hưởng chính sách	Thủ tục hồ sơ
1	<p>Trẻ em độ tuổi từ 3-5 tuổi (không bao gồm trẻ em dân tộc rất ít người theo quy định tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/05/2017 của chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ em từ 3-5 tuổi học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người) thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn đang học tập tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc lực lượng vũ trang tại xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị hỗ trợ.</li> <li>- Phụ huynh khai thác thông tin về nơi cư trú của trẻ trên phần mềm ứng dụng VNEID và cung cấp cho nhà trường qua giáo viên chủ nhiệm lớp xác nhận.</li> </ul>
2	<p>Trẻ em mẫu giáo không có nguồn nuôi dưỡng quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với bảo trợ xã hội</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị hỗ trợ.</li> <li>- Bản chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực văn bản xác nhận của UBND cấp xã hoặc cơ sở bảo trợ xã hội về tình trạng trẻ mồ côi bị bỏ rơi hoặc trẻ thuộc các trường hợp khác quy định tại khoản 1 điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của</li> </ul>

		chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, bản chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận nuôi con nuôi đối với trẻ mồ côi, bị bỏ rơi hoặc trẻ em thuộc các trường hợp khác quy định tại khoản 1 điều 5 Nghị định 136/2013/NĐ-CP.
3	Trẻ em mẫu giáo thuộc hộ nghèo, Cận nghèo theo quy định của thủ tướng chính phủ	- Đơn đề nghị hỗ trợ - Bản chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận gia đình thuộc hộ nghèo, cận nghèo do UBND cấp xã cấp.
4	Trẻ em từ 3-5 tuổi là con liệt sĩ, con Anh hùng LLVTND, Con thương binh, con người hưởng chính sách như thương binh, con bệnh binh, con một số đối tượng chính sách khác theo quy định tại pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng ( Nếu có)	- Đơn đề nghị hỗ trợ. - Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng con liệt sĩ, con Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con thương binh, con người hưởng chính sách như thương binh, con bệnh binh, con đối tượng chính sách khác theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (nếu có).
5	Trẻ em khuyết tật học hòa nhập	- Đơn đề nghị hỗ trợ. - Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

**4. Chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em theo nghị quyết 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025.**

- Mức hỗ trợ: 360.000đ/trẻ/tháng.
- Thời gian hỗ trợ: Theo tháng không quá 9 tháng/năm học.
- Quy trình và thủ tục hồ sơ

TT	Đối tượng hưởng chính sách	Thành phần hồ sơ
1	Bản thân và cha mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã, phường, đặc khu (gọi chung là xã) vùng dân tộc và miền núi, hoặc ở thôn, bản, khu phố (gọi chung là thôn) vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (không thuộc các xã trên) hoặc ở xã đảo thuộc tỉnh Quảng Ninh;	- Đơn đề nghị hỗ trợ. - Phụ huynh khai thác thông tin về nơi cư trú của trẻ trên phần mềm ứng dụng VNEID và cung cấp cho nhà trường qua giáo viên chủ nhiệm lớp xác nhận.

2	Đang hưởng bảo trợ xã hội hằng tháng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh.	- Đơn đề nghị hỗ trợ. - Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Quyết định hỗ trợ hàng tháng của UBND cấp xã.
3	Có cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo.	- Đơn đề nghị hỗ trợ. - Bản sao và mang bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận hoặc Giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp.
4	Là người khuyết tật	- Đơn đề nghị hỗ trợ. - Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.
5	Con liệt sĩ, con Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con thương binh, con người hưởng chính sách như thương binh, con bệnh binh, con đối tượng chính sách khác theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.	- Đơn đề nghị hỗ trợ. - Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng con liệt sĩ, con Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con thương binh, con người hưởng chính sách như thương binh, con bệnh binh, con đối tượng chính sách khác theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.
6	Có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	- Đơn đề nghị hỗ trợ. - Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp.

## II. Chính sách học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập, chi phí học tập, học phí

### 1. Chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.

#### A) Hỗ trợ chi phí học tập

- Mức hỗ trợ: 150.000đ/trẻ/tháng.

- Thời gian hỗ trợ: Theo tháng không quá 9 tháng/năm học.

Quy trình và thủ tục hồ sơ

TT	Đối tượng hưởng chính sách	Thủ tục hồ sơ
1	Trẻ em mồ côi cả cha lẫn mẹ	- Đơn đề nghị. - Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Quyết định về trợ cấp xã hội hoặc giấy xác nhận mồ côi cả cha lẫn mẹ do UBND xã, phường, đặc khu cấp.
2	Trẻ em là người khuyết tật	- Đơn đề nghị - Bản sao giấy xác nhận khuyết tật hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của UBND xã, phường, đặc khu.
3	Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.	- Đơn đề nghị - Giấy xác nhận hộ nghèo do UBND xã, phường, đặc khu cấp
4	Trẻ em mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ có nơi thường trú và đang học tại các cơ sở giáo dục ở thôn bản đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền hoặc học tại cơ sở giáo dục trên địa bàn khác theo quy định của địa phương trong trường hợp trên địa bàn thôn, bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo không có cơ sở giáo dục.	- Đơn đề nghị. - Một trong các loại giấy tờ: Giấy xác nhận thông tin nơi cư trú, Giấy thông báo số định danh, khai thác thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

### B. Chính sách miễn học phí

- Mức miễn học phí: 170.000đ/tháng.

- Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, không quá 9 tháng/năm học.

- Đối tượng Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông (học viên theo học chương trình GD thường xuyên cấp trung học cơ sở và học viên theo học chương trình GD thường xuyên cấp trung học phổ thông) trong cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

**3. Chính sách học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập theo Thông tư 42/2013**

TT	Đối tượng hưởng chính sách	Thủ tục hồ sơ
1	Trẻ em khuyết tật thuộc hộ nghèo, cận nghèo	- Đơn đề nghị. - Bản sao chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) giấy xác nhận khuyết tật do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp. - Bản sao chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) giấy chứng nhận hộ nghèo, cận nghèo.

**III. Thời gian nộp hồ sơ**

- Thời gian nộp hồ sơ: Giáo viên chủ nhiệm nộp hồ sơ học sinh hưởng các chế độ trên về nhà trường chậm nhất ngày **18/03/2026**.

- Người nhận hồ sơ: Đồng chí Nguyễn Thị Hà- Phó Hiệu trưởng phụ trách chế độ cho trẻ.

Để đảm bảo chính sách cho các em học sinh được hưởng chế độ theo đúng quy định, nhà trường yêu cầu các đồng chí giáo viên nghiêm túc tuyên truyền, triển khai đến các bậc phụ huynh và hướng dẫn phụ huynh làm hồ sơ hưởng chế độ chính sách cho học sinh. Trong quá trình thực hiện vướng mắc thì trao đổi trực tiếp với cán bộ quản lý nhà trường.

**Nơi nhận:**

- Các Tổ CM, Tổ VP;
- CB, GV, NV;
- Phụ huynh học sinh;
- Lưu VT.



**Sầm Thị Xuân**

